

Số: /2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06 tháng 1 năm 2015 quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-NHNN ngày 06 tháng 1 năm 2015 quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2015/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2015/TT-NHNN

1. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 2 như sau:

“c) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức sở hữu trái phiếu Chính phủ phát hành bằng Đồng Việt Nam tại thị trường trong nước.”.

2. Bổ sung các khoản 13, 14 và 15 vào sau khoản 12 Điều 3 như sau:

“13. Ngày có hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất là ngày các bên bắt đầu thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất; ngày có hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất trùng hoặc sau ngày giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất.

14. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất là khoảng thời gian tính từ ngày có hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo cam kết tại hợp đồng phái sinh lãi suất. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng phái sinh lãi suất bằng hoặc ngắn hơn thời hạn hiệu lực còn lại của giao dịch gốc.

15. Thanh toán ròng là việc thanh toán một khoản tiền ròng được tính theo giá trị thị trường hiện tại hoặc giá trị tính theo mô hình giá (mark to model) của các hợp đồng phái sinh lãi suất được chấm dứt tại hoặc trước thời điểm đến hạn

theo thỏa thuận giữa các bên và sau khi thực hiện bù trừ các dòng tiền phải trả của các hợp đồng phái sinh lãi suất giữa các bên giao kết hợp đồng tại một ngày xác định với một đồng tiền xác định để thành một khoản phải thu hoặc khoản phải trả của một bên.”.

3. Bổ sung các khoản 6 và 7 vào sau khoản 5 Điều 4 như sau:

“6. Trường hợp khách hàng không có hoặc không có đủ ngoại tệ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh khi thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất, thì khách hàng được mua ngoại tệ tại chính ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất hoặc tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối. Việc mua, bán ngoại tệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối; trường hợp khách hàng mua ngoại tệ có kỳ hạn thì kỳ hạn của giao dịch này bằng hoặc ngắn hơn thời hạn hiệu lực còn lại của hợp đồng phái sinh lãi suất.

7. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thỏa thuận với khách hàng về việc thanh toán ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất đã giao kết.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền cộng dồn (Accrual Interest Rate Swap): Là sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền, trong đó ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng có thỏa thuận về khoản tiền lãi được nhận hoặc phải trả được tính theo các mức lãi suất có kèm theo các điều kiện dựa trên biến động tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa (trừ giá vàng và các hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật) và được cộng dồn theo kỳ thanh toán đã thỏa thuận trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền cộng dồn (Accrual Interest Rate Swap): Là sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền, trong đó ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng có thỏa thuận về khoản tiền lãi được nhận hoặc phải trả được tính theo các mức lãi suất có kèm theo các điều kiện dựa trên biến động tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa (trừ giá vàng và các hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật) và được cộng dồn theo kỳ thanh toán đã thỏa thuận trên giá trị khoản vốn danh nghĩa; việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1; bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1; sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 2 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Có giao dịch gốc còn hiệu lực thực hiện, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, giao dịch gốc là trái phiếu Chính phủ phát hành bằng Đồng Việt Nam tại thị trường trong nước;”;

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 như sau:

“đ) Trường hợp khách hàng được nhận ngoại tệ từ khoản tiền lãi phát sinh trong giao dịch phái sinh lãi suất hoặc nhận ngoại tệ từ việc trao đổi khoản vốn gốc danh nghĩa, thì nguồn ngoại tệ này được sử dụng để thanh toán cho các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch gốc của khách hàng hoặc khách hàng phải bán nguồn ngoại tệ này cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất đó.”;

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 2 như sau:

“a) Mục đích sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất là phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất đối với giao dịch gốc hoặc phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho các khoản mục của bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó;

b) Có giao dịch gốc còn hiệu lực thực hiện, phù hợp với nội dung và phạm vi hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định của pháp luật liên quan. Đối với tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho các khoản mục của bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng), thì tổ chức tín dụng đó phải có phương án phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất được cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng phê duyệt.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 8 như sau:

“a) Đối với trường hợp thực hiện một hoặc nhiều giao dịch đối ứng cho một hợp đồng phái sinh lãi suất mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã cung ứng cho khách hàng, thời hạn thực hiện và giá trị của các giao dịch đối ứng không vượt quá thời hạn còn lại và giá trị khoản vốn danh nghĩa của hợp đồng phái sinh lãi suất;”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho các khoản mục của bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất phải tuân thủ quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung các Thông tư này.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa áp dụng quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN được kinh doanh, cung ứng, sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất và tổ chức tín dụng khác được sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất khi:

a) Giới hạn lỗ ròng về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất không vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó. Trường hợp giới hạn lỗ ròng vượt 5% vốn điều lệ, vốn được cấp, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngừng việc giao kết các hợp đồng phái sinh lãi suất mới, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về nguyên nhân phát sinh lỗ, các biện pháp và thời hạn khắc phục.

Khi có nhu cầu giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất mới, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định giới hạn lỗ ròng về hoạt động kinh doanh, cung ứng, sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất để làm cơ sở thực hiện phù hợp với quy định tại Thông tư này. Giới hạn lỗ ròng về sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất được xác định bằng tổng lỗ ròng và lỗ ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất còn hiệu lực cộng (+) tổng lỗ ròng và lỗ ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất đã tắt toán trong năm tài chính.

b) Hoặc xây dựng quy định nội bộ về quản lý rủi ro, trong đó bao gồm hạn mức rủi ro lãi suất; hạn mức cắt lỗ; hạn mức tổng trạng thái rủi ro lãi suất đối với các sản phẩm phái sinh lãi suất.”.

9. Sửa đổi, bổ sung các điểm b và d khoản 1 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Giao dịch gốc, giá trị khoản vốn gốc, lãi suất áp dụng trong giao dịch gốc, lịch thanh toán gốc và lãi của giao dịch gốc (áp dụng đối với khách hàng là pháp nhân, nhà đầu tư nước ngoài);”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Kỳ hạn thanh toán, ngày thanh toán, phương thức thanh toán lãi/lỗ ròng; thanh toán ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất (nếu có);”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Báo cáo

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo giao dịch phái sinh lãi suất theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”.

11. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4 và 7 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Yêu cầu khách hàng là pháp nhân, nhà đầu tư nước ngoài cung cấp các thông tin, tài liệu chứng minh đủ điều kiện sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định tại Thông tư này và quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Thực hiện báo cáo hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2; sửa đổi, bổ sung các điểm a, c và d khoản 3 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Cung cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Bản sao y hoặc bản trích sao hợp đồng của giao dịch gốc; các thông tin, tài liệu khác do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất quy định để chứng minh đủ điều kiện sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định tại Thông tư này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Cam kết với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại hợp đồng phái sinh lãi suất hoặc tại văn bản riêng về việc: Sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất; sẵn sàng cung cấp bản sao y hoặc bản trích sao hợp đồng của giao dịch gốc hoặc phương án phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho các khoản mục của bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Xây dựng và phê duyệt theo thẩm quyền phương án phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất cho các khoản mục của bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng), trong đó có phân tích các rủi ro lãi suất;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản điều của Thông tư 01/2015/TT-NHNN

1. Thay thế cụm từ “bảng cân đối kế toán” bằng cụm từ “bảng cân đối kế toán (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng)” tại khoản 5 Điều 3 và khoản 2 Điều 5.

2. Thay thế cụm từ “pháp nhân” bằng cụm từ “pháp nhân và nhà đầu tư nước ngoài” tại khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 5, tiêu đề và điểm a của khoản 1 Điều 7, tiêu đề khoản 2 Điều 20.

3. Bãi bỏ Điều 16, Biểu số 01 và Biểu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2015/TT-NHNN.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng phái sinh lãi suất đã ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục thực hiện các nội dung ghi trong hợp đồng phái sinh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng phái sinh lãi suất phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ CSTT (03), Vụ PC.

THÔNG ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng